

Số: 177/2020/QĐST-HNGĐ

Ô Môn, ngày 03 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị Đ (Đ)**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu vực Thới Trinh A, phường Thới An, quận Ô Môn, TP Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Tấn T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu vực Thới Trinh A, phường Thới An, quận Ô Môn, TP Cần Thơ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/7/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Đ (Đ) và anh Lê Tấn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Phan Thị Đ (Đ) và anh Lê Tấn T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Đ (Đ), anh T xác định có 02 con chung là Lê Tấn Q, sinh ngày 04/11/1999 và Lê Thị Huyền T, sinh ngày 15/4/2007. Chị Đ (Đ), anh T thống nhất thỏa thuận giao 01 con chung là Lê Thị Huyền T cho chị Đ (Đ) trực tiếp nuôi dưỡng, còn Lê Tấn Q đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Chị Đ (Đ) không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lê Tấn T, không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có,

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp khi có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- *Án phí hôn nhân*: Chị Đ (Đ) tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân. Khấu trừ 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 011106 ngày 16/7/2020. Chị Đ (Đ) được nhận lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tại chi cục thi hành án quận Ô Môn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Thị Hồng Nương